

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/8/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-HN ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Nh, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Ấp Th.L, xã Đ.Th, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

* *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm: 1968. HKTT: Ấp Th.H, xã Đ.Th, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 17, ấp T.B, xã Gi.T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Nh trình bày và yêu cầu như sau:* Chị và anh Phan Văn H chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi đám cưới thì anh chị về sinh sống riêng tại ấp Th.Lợi, xã Đ.Th cho đến tháng 01/2007 thì ly thân cho đến nay.

Trong quá trình vợ chồng chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 05 con chung cháu Phan Văn H, sinh ngày 01/01/1993; cháu Phan Thị H1, sinh ngày 06/12/1997; cháu Phan Thị Nh1, sinh

ngày 18/3/2001; cháu Phan Thị Nh2, sinh ngày 26/6/2003 và cháu Phan Văn V, sinh ngày 24/6/2005.

Hiện nay, cháu H, cháu H1, cháu Nh1 đã trưởng thành; cháu Nh2 và cháu V đang chung sống cùng chị Nh.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không phát sinh nợ chung.

Do xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H; yêu cầu được nuôi cháu Nh2 và cháu V, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn H trình bày và yêu cầu như sau*:

Anh xác nhận, anh và chị Nh chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định; có 05 con chung; không có tài sản chung và không có nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị Nh trình bày là đúng. Nay, anh xét thấy hôn nhân của anh chị không hàn gắn được nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị Nh.

- *Về quan hệ con chung*: Anh đồng ý giao cháu Nh2 và cháu V cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

* *Tại phiên tòa*:

- *Chị Nh và anh H*: Vắng mặt

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Phạm Thị Nh và anh Phan Văn H là vợ chồng; Giao cháu Nh2 và cháu V cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Phạm Thị Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn H là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu

của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng chị Nh và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh và anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Nh và anh Phan Văn H chung sống từ năm 1992 nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền (*UBND xã, phường, thị trấn nơi cả hai cư trú*) và cho đến khi chị Nh có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh H thì anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Như vậy là vi phạm theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 mặc dù anh chị chung sống trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nh và anh H.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Nh và anh H xác nhận, trong quá trình chung sống, anh chị có 05 con chung là cháu Phan Văn H1, sinh ngày 01/01/1993; cháu Phan Thị H2, sinh ngày 06/12/1997; cháu Phan Thị Nh1, sinh ngày 18/3/2001; cháu Phan Thị Nh2, sinh ngày 26/6/2003 và cháu Phan Văn V, sinh ngày 24/6/2005.

Hiện nay, cháu H1, cháu H2 và cháu Nh1 đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Riêng đối với cháu Nh2 và cháu V, trong quá trình giải quyết anh chị tự thỏa thuận giao cháu Nh2 và cháu V cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận này của anh chị là tự nguyện không ai ép buộc và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh2 và cháu V nên HĐXX ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nh và anh H xác nhận, trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và không có phát sinh nợ chung nên HĐXX miễn xét.

Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Nh và anh H thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nh phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Phạm Thị Nh và anh Phan Văn H là vợ chồng.

2/ *Về con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nh, anh H và nguyện vọng của cháu Nh2 và cháu V. Tiếp tục giao cháu Phan Thị Nh2 (*sinh ngày 26/6/2003, giới tính nữ*) và cháu Phan Văn V (*sinh ngày 24/6/2005, giới tính nam*) cho chị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nh không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng khi cần thiết, chị Nh có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phạm Thị Nh chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu 0007823 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị Nh đã nộp án phí xong.

4/ *Quyền kháng cáo*: Chị Nh và anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- THADS huyện An Minh;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh